

TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY HỌC TẬP
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022 - 2023 (KHÓA K77 NGÀNH DƯỢC HỌC)

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																								Tháng
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	02-2023				03-2023				04-2023				05-2023				06-2023				07-2023				
					6	13	20	27	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	
					11	18	25	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	Tuần	
1	Vật lý ứng dụng	31	28					3	3	3	3	3	3	3	3/4	4/4	/4	/4	/4	/4	/4	/B							
2	Tiếng Anh 1	30													4	4	4	4	4	4	4	4	2						
3	Hóa hữu cơ 1	33	24					4	4	4	4/4	4/4	4/4	4/4	1/4	/B													
4	Giáo dục thể chất 2 *		15					/2	/2	/2	/2	/2	/2	/2	/1														
5	Triết học Mác Lênin	33		12				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	/Se	/Se	/Se	/Se								
6	Dược xã hội học	26		8										4	4	4	4	4	4	2	/Se	/Se							
7	Thực vật	31	28									4	4	4	4	4/4	4/4	4/4	3/4	/4	/4	/4	/4	/B					
8																													

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2023

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Trần Thị Lan Hương

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QL ĐÀO TẠO



Đỗ Hồng Quảng

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY HỌC TẬP
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022 - 2023 (LỚP CLC1K1 NGÀNH DƯỢC HỌC CT CLC)

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																												Tháng	Ngày	Tuần
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	02-2023				03-2023				04-2023				05-2023				06-2023				07-2023										
					6	13	20	27	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24						
					11	18	25	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29						
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25						
1	Triết học Mác Lênin	33		12				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	/Se	/Se	/Se	/Se														
2	Tiếng Anh 1	30												4	4	4	4	/Se	/Se	/Se															
3	Giáo dục thể chất 2 *		15				/2	/2	/2	/2	/2	/2	/1																						
4	Dược xã hội học	26		8									4	4	4	4	4	4	2	/Se	/Se														
5	Hóa hữu cơ 1	31	24	4				4	4	4	4/4	4/4	4/4	4/4	3/4	/4	/Se																		
6	Thực vật	29	32									4	4	4	4	4/4	4/4	4/4	1/4	/4	/4	/4	/4	/4											
7	Vật lý ứng dụng Dược	20	20					3	3	3	3	3/4	3/8	2/8	/B																				
8																																			

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Trần Thị Lan Hương

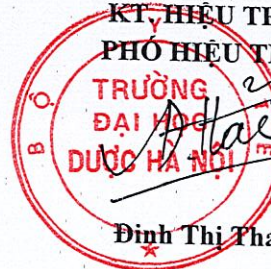
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QL ĐÀO TẠO



Đỗ Hồng Quảng

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2023

KT, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

LỚP		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S Á N G	A1K77			TT TVật	TTV Lý	Hoá hữu cơ (1,2) Vật lý UD (3,4,5) GD 17+18+19		Se DXH	TT HHC/ Se Triết			TTV Lý	TT TVật
		TT HHC/ Se Triết		Se DXH			GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD2				Se DXH	
		TT TVật		TT HHC/ Se Triết					TTV Lý				
	A2K77		Se DXH	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD2	Thực vật dược (1,2,3,4) GD 9+10	Dược xã hội học (1,2,3,4) GD 9+10		TT TVật		TT HHC/ Se Triết		
			TTV Lý					GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD2				
	A3K77	Vật lý UD (1,2,3) Hoá hữu cơ (4,5) GD 9+10		Dược xã hội học (1,2,3,4) GD 9+10		TT HHC/ Se Triết	TT TVật			Thực vật dược (1,2,3,4) GD 9+10			
						TTV Lý	Se DXH						
	A4K77	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD2	Thực vật dược (1,2,3,4) GD 4+5		Dược xã hội học (1,2,3,4) GD 12		TT HHC/ Se Triết	TT TVật		Se DXH		
								TTV Lý				GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD2
	A0K1	TTV Lý*	TT TVật Tổ 4		TT HHC/ Se Triết Tổ 4	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (2,3,4,5)GD2	Vật lý UD (1,2,3) Hoá hữu cơ (4,5) GD 15		Dược xã hội học (1,2,3,4) GD 15		TTV Lý	

THỜI KHOÁ BIỂU K77 VÀ LỚP CHẤT LƯỢNG CAO A0K1
- HỌC KỲ II (2022 - 2023)

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
C H I Ề U	A1K77	Hóa hữu cơ (6,7) Triết học Mac Lenin (8,9,10) GD 17+18+19		Thực vật dược (6,7,8,9) GD 17+18+19		GDTC/ Ngoại ngữ (6,7,8,9)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (6,7,8,9)GD2	Dược xã hội học (6,7,8,9) GD 17+18+19		Se DXH2	TT HHC/ Se Triết2		
						TT TVật2	TTV Lý2			TTV Lý2	TT TVật2		TT HHC/ Se Triết1
						Se DXH2						GDTC/ Ngoại ngữ (6,7,8,9)GD1	
	A2K77	Se DXH1	TT TVật2	Vật lý UD (6,7,8) Hoá hữu cơ (9,10) GD 9+10				TTV Lý1	TT HHC/ Se Triết2	Triết học Mac Lenin (6,7,8) Hoá hữu cơ (9,10) GD 9+10			TTV Lý1
		TT HHC/ Se Triết1	TT HHC/ Se Triết2			TT TVật1	Se DXH1	TTV Lý2				Se DXH1	TT TVật1
	A3K77	TTV Lý	Se DXH2	TT TVật2	TTV Lý1	Hóa hữu cơ (6,7) Triết học Mac Lenin (8,9,10) GD 9+10		Se DXH1	TT HHC/ Se Triết1	GDTC/ Ngoại ngữ (6,7,8,9)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (6,7,8,9)GD2		
		GDTC/ Ngoại ngữ (6,7,8,9)GD1	GDTC/ Ngoại ngữ (6,7,8,9)GD2	TT HHC/ Se Triết2	TTV Lý2			TT TVật2	TT TVật1		TT HHC/ Se Triết1	Se DXH2	
	A4K77	Vật lý UD (6,7,8) Hoá hữu cơ (9,10) GD 9+10		TT TVật1	TT HHC/ Se Triết1	TTV Lý1		Triết học Mac Lenin (6,7,8) Hoá hữu cơ (9,10) GD 9+10		Se DXH1			TTV Lý2
				Se DXH2	Se DXH1		TT HHC/ Se Triết1			TT TVật1	TTV Lý1	TT HHC/ Se Triết2	TT TVật2
	A0K1	TT TVật1 Tổ 1+2+3		Triết học Mac Lenin (6,7,8) Hoá hữu cơ (9,10) GD 15		TT HHC/ Se Triết2 Tổ 1+2+3	Se DXH2 Tổ 4	Se DXH 2 Tổ 1+2 +3	TTV Lý*	Thực vật dược (6,7,8,9) GD 15			TTV Lý

- Học phần Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và thực tập của các lớp K77, A0K1 chia nhóm như sau (thứ tự các nhóm bố trí tương ứng trong TKB):

AK77		A0K1	
Nhóm 1 (Tổ 1,2,3)	Nhóm 2 (Tổ 4,5,6)	Nhóm 1 (Tổ 1,2)	Nhóm 2 (Tổ 3,4)
Nhóm 3 (Tổ 7,8,9)	Nhóm 4 (Tổ 10,11,12)		
Nhóm 5 (Tổ 13,14)			

- Học phần Giáo dục thể chất học các nhóm học theo lịch như sau:
 - + Tiết 1,2 (buổi sáng); tiết 7,8 (buổi chiều): Nhóm 1; Nhóm 3, Nhóm 5
 - + Tiết 3,4 (buổi sáng); tiết 9,10 (buổi chiều): Nhóm 2 ; Nhóm 4
- Ngoại ngữ học từ 24/04/2023 ; Thực vật từ ngày 27/03/2023 ; Dược XHH từ 03/04/2023
- Thực tập Hóa hữu cơ từ 20/03/2023 ;
- TT Thực vật từ 24/04/2023 ; Se Triết học Mac Lenin tại GD 22 từ 15/05/2023 ; Se Dược XHH từ 22/05/2023 ;
- TT Vật lý ứng dụng K77 từ 24/04/2023 ; lớp A0K1 từ 27/03 – 01/04/2023 TT 1 bài /tuần theo lịch TT VLý*, từ 03/04 TT 2 bài/tuần